

CHÍNH SÁCH VĂN HÓA ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN THỜI MINH TRỊ

LÊ THỊ KHÁNH LY

Tóm tắt

Giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, xu hướng cải cách, canh tân đất nước trở thành một xu hướng nổi bật ở khu vực châu Á, trong đó, Nhật Bản được đánh giá là một đất nước ghi dấu nhiều thành công với những chính sách đối ngoại khôn ngoan, nhạy bén. Bên cạnh kinh tế và chính trị, nhiều chính sách hướng ngoại về văn hóa của Nhật Bản được thực hiện đã giúp Nhật Bản xác lập được “sức mạnh mềm” độc đáo và hiệu quả trong thế đối sánh với các quốc gia trong khu vực. Trên cơ sở tìm hiểu các chính sách và hoạt động đối ngoại của Nhật Bản dưới góc nhìn văn hóa, bài viết đặt mục tiêu làm rõ tính ưu việt và hiệu quả của cuộc cải cách Minh Trị trong lĩnh vực văn hóa giai đoạn này.

Từ khóa: Chính sách văn hóa, văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa, canh tân, cải cách, Minh Trị, Nhật Bản

Abstract

In the late nineteenth and early twentieth centuries, the trend of reform and renewal of the country became a prominent trend in Asia. In which, Japan is considered a country that has recorded many successes with wise and sensitive foreign affair policies. In addition to economics and politics, many outward cultural policies of Japan have been implemented, which helped Japan establish a unique and effective “soft power” in a way that compares with other countries in the region. Based on the study of Japanese foreign affair activities and policies from a cultural perspective, the article aims to clarify the superiority and efficiency of the Meiji Reform in the cultural field at this period.

Keywords: Cultural policy, foreign affair culture, cultural diplomacy, reform, renewal, Meiji, Japan

1. Bối cảnh lịch sử và quan điểm văn hóa đối ngoại của Nhật Bản thời Minh Trị

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, hàng loạt quốc gia phương Đông trở thành thuộc địa của các nước phương Tây. Bên cạnh những tác động tiêu cực của hiện tượng này, không thể phủ nhận quá trình khai thác thuộc địa đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình giao lưu văn hóa trên toàn thế giới. Chưa bao giờ các giá trị văn hóa văn minh lại có điều kiện lan tỏa và phổ rộng đến như vậy, ranh giới phương Đông - phương Tây không thực sự phân biệt quá rõ ràng như trước. Từ đó, vị trí của giao lưu văn hóa trong quan hệ quốc tế ngày càng nổi bật. Các quốc gia dần hình

thành ý thức văn hóa là một nguồn tài nguyên cần được được sử dụng để gia tăng sức mạnh dân tộc. Các nhà nước dân tộc dần ý thức được sức mạnh của văn hóa và thấy được lợi ích của việc xây dựng và truyền bá sức mạnh của văn hóa dân tộc vào trong các hoạt động đối ngoại của đất nước. Nhật Bản được đánh giá là một trong những nước “chủ động nghĩ về ngoại giao văn hóa” theo ý nghĩa đó.

Nhật Bản là một nước có vị thế và lịch sử khá đặc biệt trong khu vực châu Á. Là một quốc gia nhỏ, nhưng trong suốt quá trình phát triển đất nước, giới cầm quyền Nhật Bản chưa bao giờ từ bỏ tham vọng mở rộng ảnh hưởng đối với các nước trong khu vực bằng kinh tế, quân sự

và ngoại giao. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản thời kỳ này được xác định theo “con đường đi mới” do Ngoại trưởng Komura Jutarō đề xuất vào khoảng cuối năm 1905 với mục tiêu “phạm vi lợi ích của chúng ta phải được mở rộng và sự bảo hộ của chúng ta phải được kéo dài”, “để không chậm hơn so với người khác, phải nhân cơ hội này dẫn lên, mở rộng quyền lợi của chúng ta ra ngoài Mãn, Hàn, sang cả vùng duyên hải để phát triển sức mạnh đất nước” [6, tr.80]. Con đường đó được gọi là con đường “ngoại giao đế quốc chủ nghĩa”.

Cuộc cải cách Minh Trị (1868 - 1912) đã tạo ra bước ngoặt trong công cuộc theo đuổi và hội nhập với trình độ phát triển của các nước phương Tây cả về kinh tế, chính trị và văn hóa. Trước cải cách, Nhật Bản và các quốc gia phong kiến châu Á phải đối mặt với sự lựa chọn con đường ngoại giao đặc biệt: chấp nhận hay từ chối ảnh hưởng của thế giới phương Tây (đang được cho là) có thể gây nguy cơ phá vỡ cấu trúc văn hóa xã hội của chế độ phong kiến đang tồn tại ở các quốc gia. Trong bối cảnh đó, chính quyền Nhật Bản quyết định chọn phương án “mở cửa” như một con đường ngoại giao văn hóa thời đại mới: *phát triển mạnh phong trào duy tân, hấp thụ mạnh mẽ văn hóa phương Tây, xây dựng và khẳng định vị thế nền văn hóa Nhật Bản trên chính trường quốc tế.*

Về sự lựa chọn đó, nhà duy tân nổi tiếng, nhà tư tưởng, học giả lớn của Nhật Bản thời kỳ Minh Trị là Fukuzawa Yukichi¹ đã xây dựng “Thuyết thoát Á”²: *“Văn minh Trung Hoa cổ đại đã từng đóng vai trò lớn đối với chiều hướng phát triển của Nhật Bản trong lịch sử. Nhưng ngày nay, cần cần nhắc sự lợi hại, được mất để định ra phương hướng khác. Nhiệm vụ là phải thoát ra khỏi những tập tục xấu xa của châu Á để chuyển sang văn minh phương Tây. Phải chủ động tiến cùng với các nước phương Tây bằng cách hấp thụ những tri thức khoa học kỹ thuật và các kỹ năng tổ chức và quản lý kinh tế và cả nhà nước nữa”* [10, tr.127].

Kurino Shinichiro, cây đại thụ của nền ngoại giao Nhật Bản thời kỳ đó, là người có vai trò thúc đẩy mạnh mẽ tư duy này trong chính

phủ Nhật Bản. Ông cho rằng: con đường đế Nhật Bản bảo vệ an ninh và chủ quyền lúc này là phải “giữ một trạng thái cân bằng nào đó giữa các nước phát triển”, tránh sự nghi kỵ từ các nước phương Tây, Âu - Mỹ để “tránh bị tổn thương địa vị quốc gia văn minh của Nhật Bản” [6, tr.82]. Với quan điểm đó, chính sách kinh tế, văn hóa và ngoại giao của Nhật Bản có nhiều thay đổi lớn. Bên cạnh những nỗ lực tuyệt vời trong kinh tế, chính trị, Nhật Bản chủ trương thực hiện một nền ngoại giao hướng ra bên ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa. Hoạt động ngoại giao văn hóa của chính phủ Nhật Bản tuy chưa xây dựng thành các chính sách, chiến lược cụ thể nhưng đều thể hiện mục tiêu sử dụng công cụ văn hóa trong mục tiêu xây dựng sức mạnh tổng hợp đất nước đã được thể hiện khá rõ ràng.

Theo đó, hoạt động ngoại giao văn hóa của Nhật Bản dưới thời Minh Trị được triển khai theo đúng tinh thần: tăng cường quảng bá văn hóa Nhật Bản, khẳng định vị thế Nhật Bản trên cơ sở *phát triển giáo dục và xây dựng “tinh thần tự tin văn hóa”*, theo đuổi chính sách bành trướng lãnh thổ nhằm chứng tỏ sức mạnh Nhật Bản, buộc các nước phải khâm phục, nể trọng và học tập văn hóa Nhật. Hai khẩu hiệu thể hiện rõ nhất chính sách đó của chính quyền Minh Trị là: *“Học tập phương Tây - Đuổi kịp phương Tây - Vượt phương Tây”*; *“Văn hóa Nhật - Tinh thần Nhật - Sức mạnh Nhật Bản”*.

2. Chính sách văn hóa của Nhật Bản thời Minh Trị

2.1. Tiếp thu văn hóa phương Tây, khẳng định sức mạnh của nền văn hóa dân tộc

Nhà nước Minh Trị đã được thành lập và điều hành bởi những samurai trẻ tuổi từ những *han*³ mạnh tại phía tây Nhật Bản (đặc biệt là Satsuma, Choshu, Tosa và Hizen). Thiên Hoàng được đưa lên đứng đầu nhà nước chính thống và như một biểu tượng thống nhất của chế độ mới với mục tiêu chính sách rõ ràng và kiên định, đó là *phương Tây hoá và hiện đại hóa nhanh chóng Nhật Bản*. Trở ngại lớn nhất đối với nước Nhật trong thời gian đầu là nguy cơ

nền chính trị và văn hóa dân tộc bị thực dân hóa bởi sự xâm nhập của văn hóa và tư tưởng phương Tây. Vì vậy, khi Nhật Bản bắt đầu tiếp thu mạnh mẽ những hệ thống và kỹ thuật phương Tây, chính phủ Nhật Bản ngay từ đầu đã có định hướng *duy trì tính thống nhất và bản sắc dân tộc*. Sang đầu thế kỷ XX, ưu tiên hàng đầu của chiến lược phát triển đất nước của chính quyền Minh Trị là theo kịp phương Tây trong mọi vấn đề liên quan tới văn minh hóa đất nước, tìm mọi cách để biến Nhật Bản trở thành một quốc gia hàng đầu trên thế giới càng sớm càng tốt. Khi đề cập đến sự phát triển của xã hội Nhật Bản, người ta đều cho rằng những kỳ tích mà nước này đạt được là nhờ sớm hòa nhập với thế giới và tiếp thu tài tình những tinh hoa và giá trị của nhân loại. Dấu ấn mạnh mẽ của chính quyền Minh Trị chính là thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế như là một phương thức quyết định đến sự tồn vong và phồn thịnh của đất nước.

Một trong những đặc điểm của nền văn hóa Minh Trị là kế thừa văn hóa truyền thống bên cạnh việc tiếp thu những yếu tố văn hóa hiện đại từ Âu - Mỹ, phù hợp với xã hội tư bản công nghiệp, để tạo ra những sắc thái văn hóa mới. Việc tiếp thu tư tưởng phương Tây rầm rộ trong thời kỳ văn minh khai hóa ở đầu thời Minh Trị và sau đó là cao trào đòi tự do dân quyền đã dẫn đến những cuộc tranh luận, những luồng tư tưởng mới, phong phú xuất hiện. Tokutomi Soho (1863 - 1957) đề xướng chủ nghĩa Âu hóa có tính chất bình dân. Miyake Setsurei (1860 - 1945) chủ trương theo đuổi chủ nghĩa dân tộc, hiện đại. Takayama Chiyokyu (1871 - 1902) lại đề xướng chủ nghĩa Nhật Bản nhằm xây dựng con người Nhật Bản tự chủ, tự cường, vừa phát huy những ưu điểm vốn có, vừa tiếp thu những cái hay, cái mới của văn hóa phương Tây. Đặc biệt, từ sau chiến tranh Nga - Nhật (1905), sự phát triển mạnh mẽ của giáo dục, giao thông, thông tin liên lạc, xuất bản,... đã dẫn tới việc xuất hiện nền văn hóa quần chúng mới. Rất nhiều báo và tạp chí đã ra đời, điển hình là các tờ báo *Kokumin no*

tomo (Bạn Dân), *Nihonjin* (Người Nhật), *Chuo koron* (Trung ương Công luận)... Do lập trường khác nhau, nên về khách quan, việc tranh luận giữa các báo đã khiến cho ý thức chính trị của dân chúng nhanh chóng trưởng thành.

Ngay từ đầu, chính phủ Minh Trị đã nhận thức rất rõ ràng, muốn học tập và tiếp thu một cách thực sự nền khoa học của phương Tây thì cần phải bắt đầu từ giáo dục. Do đó, giáo dục được xác định là *quốc sách hàng đầu, là chìa khóa để Cận đại hóa Nhật Bản*. Sau khi đã cử những đại biểu sang các nước Âu - Mỹ để tham quan mô hình giáo dục, chính phủ ban bố sắc lệnh thành lập Bộ Giáo dục (năm 1871) và ban hành Học chế. Học chế (năm 1872) bao gồm 213 điều xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương châm, quy mô của nền giáo dục mới là phải đảm bảo *"Không có người nào thất học, không nhà nào không có người học, không phân biệt giàu nghèo, nam nữ, giai tầng xã hội..."* [4, tr.58]. Năm 1879, Luật Giáo dục Minh Trị được ban hành. Đây là những chủ trương tích cực và có ý nghĩa thúc đẩy hoạt động giáo dục, học tập phương Tây ở Nhật Bản khá mạnh mẽ thời kỳ này.

Phương châm của nền giáo dục mới cũng được xác định là *"Học đi đôi với hành, nền học thuật không tách rời với đời sống, học dựa trên tinh thần khoa học độc lập có phê phán"*, trên nguyên tắc *"Khoa học phương Tây, đạo đức Nhật Bản"* [4, tr.37]. Chính nhờ việc xác định đúng đắn phương châm giáo dục, cho nên Nhật Bản du nhập, học hỏi khoa học kỹ thuật phương Tây để cận đại hóa rất mạnh mẽ, nhưng vẫn giữ được những đặc trưng văn hóa truyền thống dân tộc.

Chính phủ thực hiện chủ trương học tập phương Tây bằng hai cách thức chủ yếu: gửi người ra nước ngoài đào tạo và thuê chuyên gia nước ngoài dạy trong nước. Trong một thời gian ngắn, chính phủ cử hàng ngàn lưu học sinh sang Âu - Mỹ học tập các tri thức và thành tựu tiến bộ của thế giới văn minh. Việc gửi người sang các nước phương Tây cũng có sự lựa chọn khá kỹ về ngành nghề, nước đào tạo.

Mục tiêu chung là lựa chọn những nước, những ngành học có thể phục vụ trực tiếp cho công cuộc kiến thiết nước nhà. Các sinh viên này, sau khi tốt nghiệp về nước, sẽ trở thành giảng viên của các trường đại học, góp phần đào tạo lớp trí thức mới, nguồn nhân lực quý giá cho sự nghiệp hiện đại hóa Nhật Bản. Đồng thời, chính quyền Minh Trị đã tích cực mời chuyên gia các nước sang làm việc ở Nhật, đặc biệt là dạy ở các trường học của nhà nước. Trong thời kỳ đầu, tổng số giáo viên có 214 người, đông nhất là người Anh với 149 người, Pháp có 50 người, Mỹ có 19 người, Trung Hoa có 9 người, Đức có 8 người... Chi phí về lương bổng cho tổng số 214 người đó lúc đầu là 534.492 yên, vài năm sau lên đến 1 triệu yên, chiếm một khoản lớn trong ngân sách giáo dục [11, tr.59]. Tuy vậy, Người Nhật không hoàn toàn lệ thuộc vào đội ngũ chuyên gia nước ngoài, mà họ đã khẩn trương thay thế bằng chính người Nhật được đào tạo trong nước và từ nước ngoài trở về. "Cho đến trước khi bước sang thế kỷ XX, số lượng người nước ngoài làm việc trong chính phủ hay các trường của chính phủ còn rất ít, ngoại trừ lĩnh vực giảng dạy các ngôn ngữ phương Tây" [11, tr.150-151].

Mở các trường ngoại ngữ cũng là một chính sách tạo điều kiện cho người Nhật Bản có điều kiện chủ động tiếp thu văn minh phương Tây rất có hiệu quả. Những thành quả của giáo dục là hết sức to lớn, không chỉ đem tri thức văn hóa phổ cập đến toàn dân nhằm nâng cao dân trí, mà còn tạo ra một đội ngũ lao động có chất xám phục vụ cho công cuộc cải cách trong thời kỳ cận đại, do đó còn có ảnh hưởng sâu sắc lâu dài đến sự phát triển của Nhật Bản ngày nay. Tại hầu hết các trường học của Nhật Bản, học sinh được học các kiến thức cơ bản về hội họa hàn lâm phương Tây thuần túy, như luật viễn cận, cách thể hiện không gian bằng ánh sáng và bóng tối. Các kỳ thi vào đại học mỹ thuật đều bắt buộc phải có bài thi hình họa theo phong cách hàn lâm phương Tây. Các tác phẩm văn học dịch được quan tâm, đạo Tin Lành và Thiên Chúa giáo cũng được tạo điều kiện phát triển trong xã hội Nhật Bản.

Xã hội xuất hiện một tầng lớp dân cư mới gọi là Sarariman (nhân viên văn phòng làm ở các hãng/công ty tư nhân). Họ thường là những người tốt nghiệp đại học, mặc Âu phục, thất cầ vạt. Tuy mang Âu phục, làm việc theo cách của người Tây, nhưng họ mang đầy đủ những đặc trưng tính cách và luân lý đạo đức Nhật Bản. Truyền thống trung thành tuyệt đối của Samurai khiến họ hết lòng với công việc ở công ty và xác định gắn cả đời mình cho nơi họ làm việc. Họ mang sự tinh tế, cẩn thận, nhạy cảm của những loại hình nghệ thuật truyền thống như trà đạo, gấp giấy Origami, kịch No,... vào tác phong làm việc mới mang đặc thù văn hóa Nhật. Các thành phố hiện đại bắt đầu mọc lên với các tòa lầu văn phòng hiện đại, rạp chiếu phim, sân vận động, nhà ga rộng,... mang trong đó truyền thống, hơi thở và tinh thần Nhật. Trong xã hội Nhật Bản những năm 1870s cũng xuất hiện trào lưu ẩm thực kiểu Âu, với nhiều cơ sở sản xuất đồ ăn theo kiểu Âu - Mỹ được khai trương ở Shizuyama, Yokohama, Osaka, Nagasaki.

Trong mục tiêu hiện đại hóa đất nước nhằm tìm kiếm cơ hội hội nhập với thế giới phương Tây đầu thế kỷ XX, quá trình phương Tây hoá trong xã hội Nhật Bản được coi là cần thiết. Để cho thấy Nhật Bản đã phương Tây hoá, chính phủ thậm chí đã xây dựng *Rokumeikan* (Minh Lộc Quán) do kiến trúc sư người Anh Josiah Conder (1852-1920) thiết kế. Việc khánh thành *Rokumeikan* vào ngày 28 tháng 11 năm 1883 được coi là đỉnh điểm của cao trào Âu hoá ở Nhật giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Đó là một vũ trường do nhà nước điều hành, gồm ngôi nhà hai tầng được xây dựng kết hợp phong cách kiến trúc điển hình của châu Âu thời Trung cổ với các vòm cuốn phương Đông theo kiểu Mogol, dùng làm nơi tiếp khách nước ngoài, gặp gỡ của giới thượng lưu. Hàng tuần, ở đây đều có tổ chức khiêu vũ, yến tiệc, hoà nhạc theo phong cách châu Âu. Thậm chí, hoạt động của vũ trường này đã khiến cho những người chủ trương giữ gìn văn hóa Nhật Bản truyền thống phải phàn nàn rằng chính quyền đã đi quá mức cần thiết.

Phong trào Âu hóa ở Nhật Bản cuối thế kỷ XIX là một hiện tượng khá đặc biệt trong đời sống văn hóa khu vực. Đứng trước sự uy hiếp nặng nề của thế giới phương Tây, đa số các quốc gia châu Á đều có sự phản ứng khép mình, trốn tránh, tìm mọi cách để ngăn cản sự xâm nhập về mọi mặt của thế giới phương Tây vào lãnh thổ, nhằm cố gắng gìn giữ chủ quyền lãnh thổ và độc lập dân tộc. Trong khi đó, Nhật Bản đi theo con đường “hấp thu văn hóa” riêng biệt: sự hấp thu có chọn lọc, có định hướng tư tưởng nhằm mục tiêu học tập bên ngoài để phát triển, tiến kịp với thế giới nhằm khẳng định và nâng cao hơn nữa vị thế của dân tộc mình với các nước xung quanh, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ trở thành nước thuộc địa. Thông qua đó, sự tự tin văn hóa trong xã hội ngày càng được nâng cao, khi mà các giá trị văn hóa truyền thống khẳng định được năng lực không bị đồng hóa trước sức ép nặng nề của các giá trị văn hóa bên ngoài, người dân Nhật Bản càng có động lực để tự tin và bản lĩnh hơn trong việc tiếp nhận giá trị bên ngoài, làm giàu hơn nữa cho nền văn hóa truyền thống. “Tinh thần Nhật Bản” từ đó nổi bật lên trong khu vực và trên thế giới như một đại diện điển hình về sự kiên cường, nhạy bén, tinh tế và bản lĩnh.

Có thể nói, chính sách cải cách văn hóa thời Minh Trị không chỉ đơn thuần là chính sách đối nội xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, hơn thế nữa, đó chính là một chính sách văn hóa đối ngoại khôn khéo và nhạy bén với thời cuộc của chính quyền Minh Trị: *là sự ứng phó về văn hóa và khẳng định vị thế đất nước với thế giới bên ngoài nhằm giải thoát dân tộc trước những uy hiếp ghê gớm của những làn sóng văn hóa tư bản chủ nghĩa đang tiến quân ồ ạt vào Nhật Bản và thế giới châu Á.*

2.2. Truyền bá văn hóa dân tộc theo các cuộc chiến tranh bành trướng lãnh thổ

Một đặc điểm nổi bật của nền dân chủ Minh Trị là chủ nghĩa bành trướng. Để bảo vệ sự độc lập về chính trị và lợi ích quốc gia, chống lại sự can thiệp của phương Tây, Nhật Bản cho rằng cần thiết phải xây dựng một khu

vực ảnh hưởng xung quanh Nhật Bản. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Nhật Bản đã gây chiến với Triều Tiên (1880) và chiến thắng oai hùng trong nhiều cuộc chiến như chiến tranh Nhật - Trung (1894 - 1895), chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) và thành công trong việc sáp nhập vương quốc Lưu Cầu vào Nhật Bản để thành lập tỉnh Okinawa (1879). Những thành công đó khiến vị thế của Nhật Bản được nâng cao nhanh chóng trong khu vực châu Á. Trên cơ sở đó, Nhật Bản trở thành một trong những tấm gương thời đại mới cho các nước trong khu vực ngưỡng mộ và học tập theo.

Chính sách bành trướng lãnh thổ của Nhật Bản không chỉ đơn thuần là chính sách quân sự nhằm tìm kiếm lợi ích kinh tế, mở rộng quyền lực của chính quyền Minh Trị. Thông qua những chiến thắng đó, Nhật Bản chứng minh sức mạnh của mình, buộc tất cả các nước châu Á, trong đó có cả Trung Quốc “thiên triều xưa kia” cũng phải cúi đầu thần phục và coi Nhật Bản như một tấm gương sáng để học tập. Hơn thế nữa, trong quá trình cai trị những vùng đất mới bị chinh phục, Nhật Bản tìm mọi cách truyền bá những giá trị văn hóa của mình ra các nước khác, xây dựng một hệ chuẩn giá trị của khu vực trên nền tảng chuẩn giá trị của người Nhật Bản. Tăng cường dạy và học tiếng Nhật, quảng bá, cổ vũ và thần thánh hóa một số giá trị văn hóa tinh thần đặc trưng của Nhật. Từ đó, ngôn ngữ Nhật, trà đạo Nhật, tinh thần Samurai, hoa anh đào, âm nhạc truyền thống, nghệ thuật gấp giấy origami, trang phục kimono, ... trở thành các hệ giá trị mới của khu vực, được phổ biến rộng rãi nhất theo các đoàn quân của Thiên Hoàng đến những vùng đất xa xôi như Trung Quốc, Đông Nam Á, Triều Tiên. Chưa bao giờ “sức mạnh Nhật Bản” lại được tôn vinh và lan tỏa rộng rãi đến vậy. Cũng chưa bao giờ vị thế của Nhật Bản trên chính trường khu vực lại được nâng cao như thế.

Bằng con đường chiến tranh, Nhật Bản vừa chứng tỏ được sức mạnh của mình ra thế giới bên ngoài, đồng thời, thông qua chính sách cai trị của mình ở các nước, Nhật Bản cũng đã giành được vị thế ảnh hưởng lớn trong khu

vực. Đó là nền tảng quan trọng giúp chính quyền Nhật đã nhanh chóng thực hiện chính sách truyền bá văn hóa vô cùng hiệu quả. Công cụ truyền bá chủ chốt là sự phổ cập tiếng Nhật, giao lưu văn hóa, truyền bá các giá trị văn hóa đời sống và văn hóa khoa học. Nhật Bản, từ một quốc gia tầm trung trong khu vực Đông Á, một quốc gia nhỏ trong khu vực châu Á, đến đầu thế kỷ XX, đã trở thành nước đứng đầu khu vực, thành “người anh cả da vàng” trong thế giới châu Á. Văn hóa Nhật Bản mang trong mình những thước đo, hệ giá trị chuẩn mực mà cả thế giới châu Á muốn noi theo, tạo ra một phong trào “học tập Nhật Bản” lan rộng ở các nước Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam. Phong trào Đông Du ở Việt Nam (1904 - 1908) và sự tôn vinh đối với nhiều nhà tư tưởng Nhật Bản thời kỳ này trong thế giới châu Á là những ví dụ điển hình cho thành quả truyền bá văn hóa thành công của chính quyền Nhật Bản thời Minh Trị⁴.

3. Ảnh hưởng của chính sách văn hóa đối với vị thế đất nước Nhật Bản sau cuộc cải cách Minh Trị

Vào giữa thời kỳ Minh Trị, nước Nhật gần như đã tránh được nguy cơ bị biến thành thuộc địa của các cường quốc phương Tây, duy trì được nền độc lập dân tộc. Hơn nữa, Nhật Bản còn từng bước được các nước phương Tây đồng ý sửa đổi những điều khoản bất bình đẳng. Nhật Bản giành lại quyền lãnh sự tài phán và sự bình đẳng về thuế quan. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã tạo nên sức mạnh kinh tế, quân sự và chính trị đặc biệt, giúp Nhật có thể tham gia vào cuộc tranh giành thị trường thế giới, làm thay đổi mạnh mẽ vị thế chính trị đáng kể của nước Nhật trên chính trường quốc tế. Nhật Bản nhanh chóng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, trở thành nước duy nhất trong khu vực châu Á không bị phụ thuộc vào các nước phương Tây trước cơn lốc văn minh của tư bản chủ nghĩa Âu - Mỹ. Sự phát triển mạnh mẽ của Nhật Bản khiến các nước trong khu vực ngạc nhiên và coi Nhật Bản như

một tấm gương sáng, cố gắng học tập và đi theo con đường của Nhật. Chính vì vậy, vị thế của Nhật có sự thay đổi hoàn toàn trong khu vực. Tinh thần Nhật Bản - văn hóa Nhật Bản trở thành dấu ấn mới trên bản đồ văn hóa thế giới.

Đầu thế kỷ XX, Nhật Bản trở thành một biểu tượng vĩ đại về tinh thần học tập và phát triển đất nước. Những sách vở, nghị luận về tiến bộ, duy tân và sự lựa chọn đúng đắn con đường phát triển đất nước từ Nhật Bản nhanh chóng được lan tỏa, truyền bá khắp nơi trong khu vực và trên thế giới. Những tài liệu đó được các sử gia thế giới nhắc đến như những “tân thư, tân văn”, trở thành những “thước đo” của tinh thần dân chủ, tự do, sáng tạo và thành công của khu vực.

Đánh giá về quá trình tiếp xúc với văn hóa phương Tây và việc văn minh phương Tây ảnh hưởng tới văn hóa Nhật Bản, có thể nhận thấy rằng, đó là sự kết hợp của hai yếu tố: yếu tố ngoại sinh, từ các cường quốc phương Tây xâm nhập vào Nhật Bản và yếu tố chủ động tiếp cận của người Nhật. Cuộc cải cách Minh Trị trở thành cơ sở đánh dấu quá trình cận đại hóa của Nhật Bản. Chính phủ Minh Trị với tinh thần “*Đuổi kịp phương Tây - Vượt phương Tây*” đã đặc biệt coi trọng quá trình khai hóa ý thức của người dân Nhật Bản. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, do chưa hiểu hết về các giá trị văn hóa văn minh phương Tây đang ồ ạt du nhập vào, ở một bộ phận người Nhật xuất hiện hiện tượng sùng bái văn hóa phương Tây thái quá. Họ tìm cách vứt bỏ thói quen sống cũ, thay vào đó cách ăn mặc “lắp ghép” kiểu như: áo kimono đi với giày Tây và mũ phớt, gây ra sự khập khiễng và phần nào có sự lộ bịch trong văn hóa Nhật khi đó. Càng về sau, cùng với sự phát triển về kinh tế, tính tự chủ trong văn hóa và sinh hoạt của người dân Nhật được xác lập. Thời kỳ “kết hợp tạp nham” Hòa - Âu trôi qua, cách lựa chọn Hòa phục và Âu phục được định hình.

Những hoạt động văn hóa của Nhật Bản thời kỳ này là khởi đầu cho lối sinh hoạt kết hợp Hòa - Âu của người Nhật hiện đại. Một điều dễ nhận thấy là, chính trong thời kỳ này, người

nước ngoài đến Nhật Bản ngày càng nhiều. Trong số đó, rất nhiều người sang Nhật Bản với tư cách là các chuyên gia tư vấn cho chính phủ hay các doanh nghiệp⁵. Trong 10 năm đầu thời Minh Trị, mỗi năm trung bình có khoảng 500 người nước ngoài được mời đến Nhật Bản với tư cách Oyatoi Gaikokujin [7, tr.40]. Đa số trong họ là những người có cái nhìn định kiến coi thường Nhật Bản, trọng thị phương Tây. Thái độ kỳ thị của những người đó phần nào gây ra sự coi thường của nước ngoài đối với người Nhật, thậm chí, một số người Nhật còn thấy mặc cảm, tự ti về bản thân và văn hóa dân tộc. Ở các thành phố lớn, khuynh hướng hưởng thụ theo lối sống phương Tây trong giới trẻ đã phổ biến trong các phòng khiêu vũ, tiệm cafe, phòng trà, hộp đêm ở các khu giải trí. *Modan garu/boi*⁶ (“gái/trai tân thời”) trở thành biểu tượng đặc trưng cho thanh niên Nhật Bản đầu thế kỷ XX với những bộ quần áo sặc sỡ, thời trang, điệu thuốc luôn cắm trên môi, tự nhiên thoải mái khoác tay nhau dạo phố⁷. Người Nhật háo hức lao vào các môn thể thao phương Tây như quần vợt, bơi lội, chơi golf, trượt tuyết...

Mặc dù vậy, những thay đổi vượt quá tầm kiểm soát đó chỉ thuộc số ít, tập trung ở các thành thị. Dưới bề nổi hào nhoáng ở các đô thị lớn, mọi thứ vẫn không thay đổi, nền tảng xã hội truyền thống vẫn còn được gìn giữ như trước kia. Phần đông dân chúng vẫn quen với những tinh thần vốn có của người Nhật như tính cẩn cù, tiết kiệm, tôn trọng kỷ luật và danh dự... Mục tiêu “hấp thụ văn hóa” trong chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật được thực hiện dẫn đến sự dung nạp văn hóa phương Tây trở thành một hiện tượng quá phổ biến trong xã hội Nhật Bản. Mâu thuẫn trong xã hội Nhật giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại nảy sinh và phát triển mạnh mẽ đã gây nên rất nhiều chuyển biến và nguy cơ trong xã hội. Những mâu thuẫn đó gây áp lực lớn cho đời sống văn hóa xã hội Nhật, đòi hỏi chính phủ Nhật Bản phải tìm ra những biện pháp giải quyết hiệu quả nhằm đảm bảo sự phát triển

ổn định và bền vững của quốc gia này trong thời gian kế tiếp.

Có thể khẳng định, chính sách văn hóa của Nhật Bản thời Minh Trị đã góp phần tạo ra sự biến đổi lớn trong xã hội Nhật Bản nói riêng, vị thế của Nhật Bản và văn hóa Nhật trên trường quốc tế nói chung. Dẫu chưa hẳn là những chiến lược văn hóa và ngoại giao được định hình rõ ràng, nhưng những chính sách và hoạt động văn hóa của Nhật Bản thời kỳ này trở thành những bài học kinh nghiệm quan trọng cho các nước khác trong khu vực. Trên tất cả, Nhật Bản đã khẳng định với thế giới: Nước Nhật đã và đang thực hiện được khẩu hiệu “*Văn hóa Nhật - Tinh thần Nhật - Sức mạnh Nhật*”. Nhìn lại những điều kiện, cơ sở Nhật Bản có được trước cuộc cải cách duy tân, có thể thấy, không phải ngay từ đầu Nhật Bản đã xác định được những mục tiêu toàn diện. Nhưng khác với các nước trong khu vực, Nhật Bản luôn có sự điều chỉnh, bổ sung các chính sách để dần hoàn thiện chính thể của mình. Hiển nhiên, “*Học tập phương Tây - Đuổi kịp phương Tây - Vượt phương Tây*” là một tư tưởng táo bạo nhưng không phải là không thể thực hiện được trong thực tế.

Rõ ràng, trước thách thức mới của thời đại, quyết định mở cửa đất nước, chủ động thiết lập quan hệ với các nước phương Tây của chính quyền Nhật Bản thời Minh Trị đã thể hiện sinh động truyền thống tư duy, bản lĩnh của dân tộc Nhật Bản và người Nhật, và đã chứng minh được sự thành công khi biết kết hợp sức mạnh văn hóa dân tộc, tầm nhìn chiến lược thích hợp với xu hướng tất yếu của thời đại. Trước thời khắc quan trọng của lịch sử, quyết định mở cửa và đón “luồng gió văn minh phương Tây” của chính quyền Minh Trị là hoàn toàn có cơ sở thực tiễn và thể hiện khả năng nắm bắt xu thế vận động lịch sử của chính quyền của cư dân quốc đảo này.

Nhật Bản đón đầu thời đại mới bằng cuộc cải cách Minh Trị (1868 - 1912) và đã có những thành công rực rỡ. Nội dung chính của cuộc cải cách là thực hiện canh tân đất nước, đưa nước

Nhật trở thành nước phát triển nhất trong thế giới châu Á. Trong rất nhiều chính sách cải cách, Nhật Bản đã thực hiện một chính sách đối ngoại vô cùng khôn khéo, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, đã góp phần không nhỏ trong quá trình nâng cao vị thế nước Nhật trên chính trường quốc tế. Nhật Bản thoát ra khỏi quy luật nghèo đói và bị bóc lột nặng nề phổ biến ở thế giới phương Đông thuộc địa thời cận đại một cách “ngoạn mục”, trước sự ngỡ ngàng và thán phục của các quốc gia trong khu vực, tạo nên một dấu ấn đặc biệt trong thế giới châu Á cận đại.

L.T.K.L

(TS., Khoa Văn hóa học, Trường ĐHVHN)

Chú thích

¹ Fukuzawa Yukichi (1835 - 1901) để lại dấu ấn đặc biệt trong lịch sử Nhật Bản với vai trò là một Võ sĩ (Samurai), nhà Hà Lan học, nhà khoa học tự nhiên, giáo dục học, nhà tư tưởng khai sáng nổi trội của Nhật Bản. Ông được coi là một trong 6 nhà Đại giáo dục học thời Minh Trị.

² *Thoát Á luận* lần đầu được đăng trên báo Thời sự ngày 16/3/1885 dưới hình thức một bài xã luận không ký tên nhưng được người Nhật Bản cho rằng là của Fukuzawa Yukichi. Những năm 1960, thế giới đặc biệt coi trọng và đề cao học thuyết này bằng nhiều công trình nghiên cứu của các nhà chính trị học và tư tưởng học.

³ *Han* được hiểu là các đơn vị lãnh thổ ở địa phương (lãnh địa) do các lãnh chúa (địa chủ/quý tộc) đứng đầu.

⁴ Có thể kể đến nhiều nhà tư tưởng Nhật Bản thời kỳ này có ảnh hưởng lớn đến các phong trào dân tộc khu vực như Fukuzawa Yukichi (1835 - 1901), Nishi Amane (1829 - 1897), Iwakura Tomomi (1825 - 1883), Taguchi Ukichi (1855 - 1905)...

⁵ Sử sách Nhật Bản thường nhắc đến họ với cái tên: *Oyatoi Gaikokujin* (chuyên gia nước ngoài).

⁶ Viết tắt của từ tiếng Anh: Modern-girl/Modern-boy

⁷ Năm 1872 đi vào lịch sử Nhật Bản với “sự kiện Dajokan”: Chính phủ Nhật Bản cho phép binh sĩ và các thành viên của tòa án ăn mặc kiểu châu Âu. Quyết định này có thể coi là một trong những bước đầu tiên của quá trình Âu phục hóa ở Nhật trong thời kỳ này.

Tài liệu tham khảo

1. Edwin O.Reischauser (1998), *Nhật Bản câu chuyện về một quốc gia*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

2. Hisao Kanamori (1994), *Thành công của Nhật Bản - Những bài học về phát triển kinh tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Hồ Hoàng Hà (2001), *Văn hóa Nhật - Những chặng đường phát triển*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

4. Nguyễn Văn Hồng (2007), *Cải cách giáo dục thời Minh Trị*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5. Nguyễn Quốc Hùng (chủ biên) (2007), *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

6. Irie Akira (2013), *Ngoại giao Nhật Bản (từ Duy Tân đến hiện đại)*, dịch giả Nguyễn Đức Minh, Lê Thị Bình, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

7. Joseph E.Stighlitz, Shahid Yusuf (2002), *Suy ngẫm lại sự phát triển thần kỳ của Đông Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Kenichi Ohno (2007), “Phát triển kinh tế của Nhật Bản con đường đi lên từ một đất nước đang phát triển”, *Diễn đàn Phát triển Việt Nam*, số 3.

9. Nguyễn Văn Kim (2003), *Nhật Bản với châu Á những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

10. Bành Tân Lương (2008), *Ngoại giao văn hóa và sức mạnh mềm của Trung Quốc - Góc nhìn toàn cầu hóa*, Nxb. Bắc Kinh.

11. Nguyễn Ngọc Nghiệp (2003), “Nhật Bản học tập phương Tây thời Minh Trị”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 2.

12. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2010), *Bài giảng chuyên đề nghiên cứu Nhật Bản Lịch sử văn hóa - xã hội*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 22 - 11 - 2019

Ngày phản biện, đánh giá: 12 - 12 - 2019

Ngày chấp nhận đăng: 27 - 12 - 2019